

Kg' ~~Viet Công~~ TT DT THADS

**BỘ TƯ PHÁP**  
**TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 971/TCTHADS-TKDLCT  
V/v chỉ đạo tập trung thực hiện chỉ tiêu  
thi hành án dân sự năm 2017

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2017

Kính gửi: Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự các tỉnh,  
thành phố trực thuộc Trung ương

Theo Quyết định số 1286/QĐ-TCTHADS ngày 21/12/2016 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự về việc giao chỉ tiêu, nhiệm vụ cho các cơ quan thi hành án dân sự năm 2017 thì chỉ tiêu, nhiệm vụ thi hành án năm 2017 toàn Hệ thống thi hành xong đạt trên 70% về việc và trên 30% về tiền trên tổng số có điều kiện thi hành; giảm ít nhất 8% đến 10% số việc và 6% đến 8% số tiền có điều kiện chuyển kỳ sau; bảo đảm chính xác, đúng pháp luật trong việc xác minh, phân loại việc, tiền có điều kiện thi hành, chưa có điều kiện thi hành.

Kết quả thi hành án 5 tháng đầu năm 2017 (tính đến hết tháng 02/2017) toàn Hệ thống đạt tỉ lệ thi hành xong 44,91% về việc, 15,80% về tiền (tăng 2,97% về việc, tăng 7,90% về tiền so với cùng kỳ năm 2016), còn thiếu trên 25,09% về việc và trên 14,20% về tiền thi hành xong so với chỉ tiêu Tổng cục giao. Tuy nhiên, tỷ lệ phân loại có điều kiện thi hành về việc chiếm 73,60%, về tiền chiếm 68,15% trong tổng số phải thi hành (**giảm 6,27%** về việc, **giảm 17,02%** về tiền so với cùng kỳ năm 2016); số việc chuyển kỳ sau 356.450 việc, trong đó số việc có điều kiện năm 2017 chuyển sang năm 2018 là 215.876 việc, so với số việc có điều kiện thi hành năm 2016 chuyển sang năm 2017 (144.857 việc) tăng 71.019 việc (**tăng 49,03%**); số tiền chuyển kỳ sau hơn 117.697 tỷ, trong đó số tiền có điều kiện năm 2017 chuyển sang năm 2018 là hơn 75.690 tỷ, so với số tiền có điều kiện thi hành năm 2016 chuyển sang năm 2017 (hơn 57.143 tỷ) tăng hơn 18.546 tỷ (**tăng 32,46%**).

Kết quả phân loại án về việc có 29 tỉnh/thành phố, về tiền có 25 tỉnh/thành phố thấp hơn mặt bằng chung toàn quốc, một số địa phương có kết quả phân loại án thấp, về việc: Thái Bình (61,27%), Bắc Giang (60,83%), Thái Nguyên (60,3%), Hải Phòng (55,41%), Hà Nam (53,98%); về tiền: Nam Định (43,45%), Quảng Bình (42,99%), Lâm Đồng (38,94%), Thái Nguyên (37,11%), Hà Giang (31,01%).

Kết quả thi hành xong về việc có 27 tỉnh/thành phố, về tiền có 49 tỉnh/thành phố thấp hơn mặt bằng chung toàn quốc, một số địa phương có kết quả thi hành xong về việc đạt thấp: An Giang (36,3%), Tiền Giang (34,39%), Vĩnh Long (33,47%), Tây Ninh (30,42%), Long An (30,1%), về tiền: Quảng Ngãi (5,79%), Ninh Bình (5,67%), Đắk Nông (5,54%), Hòa Bình (4,93%), Thái Bình (3,39%).

Tỷ lệ giảm số việc, số tiền có điều kiện chuyển kỳ sau không giảm mà còn tăng nhiều, về việc không có tỉnh, thành phố nào có tỷ lệ giảm số có điều kiện, về tiền có 02 địa phương có tỷ lệ giảm có điều kiện chuyển kỳ sau; một số địa phương có tổng số thụ lý nhiều nhưng tỷ lệ giảm số có điều kiện chuyển kỳ sau tăng nhiều, về việc như: Nghệ An (109,07%), Đà Nẵng (70,15%), Thanh Hóa (67,9%), Trà Vinh (67,86%), Long An (65,89%); về tiền: Vĩnh Long (124,15%), Khánh Hòa

(119,82%), Bà Rịa Vũng Tàu (66,75%), Bình Định (65,2%), Bình Phước (37,81%), Hà Nội (36,77%); một số địa phương tăng số tuyệt đối số có điều kiện chuyển kỳ sau về việc như: Bình Dương (2.437 việc), Hà Nội (3.943 việc), TP. Hồ Chí Minh (8.234 việc), Long An (4.159 việc), Tây Ninh (2.873 việc), Tiền Giang (2.198 việc), Trà Vinh (2.154 việc), về tiền: Hà Nội (2.913 tỷ), Bà Rịa Vũng Tàu (632 tỷ), TP. Hồ Chí Minh (5.013 tỷ), Khánh Hòa (506 tỷ), Quảng Nam (786 tỷ). (Có biểu số liệu chi tiết kèm theo).

Để đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu, nhiệm vụ thi hành án dân sự năm 2017 của Hệ thống, Tổng cục Thi hành án dân sự yêu cầu Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (đặc biệt là những địa phương có kết quả thi hành án 05 tháng đầu năm 2017 đạt thấp, kết quả phân loại án có điều kiện thi hành chưa cao; số việc, số tiền thi hành án chuyển kỳ sau lớn) khẩn trương thực hiện một số công việc sau đây:

1. Tập trung mọi nguồn lực tăng cường chỉ đạo, đôn đốc Chấp hành viên và các đơn vị trực thuộc chú trọng cao độ cho việc giải quyết án, có biện pháp đẩy nhanh tiến độ tổ chức thi hành các vụ việc có điều kiện thi hành, nhất là các vụ việc có giá trị lớn, các vụ việc liên quan đến tín dụng ngân hàng, án tham nhũng, các vụ việc phức tạp, kéo dài; tổ chức rà soát Kế hoạch công tác của đơn vị, địa phương mình để thực hiện và hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao.

2. Thực hiện tốt việc rà soát, phân loại việc, tiền thi hành án, bảo đảm chính xác, thực chất; số liệu báo cáo các kỳ phải bảo đảm chính xác, trung thực, thống nhất, nghiêm cấm chạy theo thành tích. Tổng cục sẽ tổ chức kiểm tra nêu phát hiện đơn vị nào không thực hiện đúng chỉ đạo của Tổng cục, cố ý làm sai lệch số liệu, chạy theo thành tích sẽ xử lý nghiêm lãnh đạo, công chức liên quan của đơn vị đó theo quy định của pháp luật.

3. Tiếp tục chú trọng việc công khai thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành, bảo đảm công khai 100%. Việc công khai của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành thông tin phải đảm bảo trung thực, chính xác, kịp thời, đúng quy định, phục vụ có hiệu quả công tác thi hành án dân sự, góp phần minh bạch hóa công tác thi hành án dân sự, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi trong việc giám sát của xã hội đối với công tác thi hành án dân sự.

Nhận được Công văn này, yêu cầu Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo và triển khai thực hiện ngay. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, khó khăn thì kịp thời báo cáo Tổng cục để có biện pháp tháo gỡ, khắc phục.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Trần Tiến Dũng (để b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Khánh Ngọc (để b/c);
- Các Phó Tổng cục trưởng (để biết);
- Thủ trưởng các đơn vị thuộc Tổng cục (để t/h);
- Cổng Thông tin điện tử THADS (để đăng tải);
- Lưu: VT, TKDLCT.



**Hoàng Sỹ Thành**

**TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ**



**PHỤ LỤC I**

**THÔNG KÊ KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ VỀ VIỆC 5 THÁNG NĂM 2017**

*(Kèm theo Công văn số 971 /TCTHADS-TKDLCT ngày 24/3/2017 của Tổng cục Thi hành án dân sự)*

STT	Tên đơn vị	Thi hành xong / có điều kiện	Xếp hạng
	<b>Tổng cộng</b>	<b>44,91%</b>	
1	Lai Châu	80,65%	1
2	Điện Biên	78,83%	2
3	Bắc Kạn	77,19%	3
4	Lào Cai	71,57%	4
5	Hòa Bình	70,34%	5
6	Tuyên Quang	70,17%	6
7	Vĩnh Phúc	70,17%	7
8	Hà Giang	69,65%	8
9	Hà Tĩnh	69,57%	9
10	Yên Bái	69,04%	10
11	Phú Thọ	64,66%	11
12	Sơn La	64,33%	12
13	Cao Bằng	64,08%	13
14	Quảng Bình	64,06%	14
15	Nam Định	63,80%	15
16	Hà Nam	62,88%	16
17	Hưng Yên	60,78%	17
18	Bắc Giang	58,12%	18
19	Lạng Sơn	58,05%	19
20	Kon Tum	57,90%	20
21	Quảng Nam	57,45%	21
22	Thái Nguyên	56,55%	22
23	Hải Dương	56,53%	23
24	Đồng Tháp	56,37%	24
25	Đắk Lắk	56,27%	25
26	Bắc Ninh	55,90%	26
27	Quảng Trị	54,83%	27
28	Thái Bình	53,70%	28
29	Nghệ An	53,12%	29
30	Thanh Hóa	49,84%	30

STT	Tên đơn vị	Có điều kiện / tổng số phải thi hành	Xếp hạng
	<b>Tổng cộng</b>	<b>73,60%</b>	
1	Bình Dương	86,78%	1
2	Quảng Trị	82,51%	2
3	Lai Châu	82,41%	3
4	Hậu Giang	82,07%	4
5	Bạc Liêu	81,79%	5
6	Bến Tre	81,52%	6
7	Ninh Thuận	80,87%	7
8	TT Huế	80,77%	8
9	Sơn La	80,71%	9
10	Sóc Trăng	80,48%	10
11	Hòa Bình	80,48%	11
12	Trà Vinh	79,24%	12
13	Hải Dương	78,50%	13
14	Bình Thuận	78,47%	14
15	Quảng Bình	78,38%	15
16	Điện Biên	78,20%	16
17	Ninh Bình	78,06%	17
18	Quảng Ngãi	77,80%	18
19	Nghệ An	77,60%	19
20	Phú Thọ	77,53%	20
21	Hà Tĩnh	77,32%	21
22	Kon Tum	76,81%	22
23	Quảng Nam	76,77%	23
24	BR-V Tàu	76,69%	24
25	Hà Giang	75,80%	25
26	Vĩnh Phúc	75,52%	26
27	An Giang	75,51%	27
28	Đồng Tháp	75,38%	28
29	Đắk Lắk	75,32%	29
30	Cần Thơ	75,29%	30

STT	Tên đơn vị	Tỷ lệ giảm việc có điều kiện	Xếp hạng
	<b>Tổng cộng</b>	<b>49,03%</b>	
1	Ninh Bình	14,10%	1
2	Phú Thọ	20,32%	2
3	Sóc Trăng	20,44%	3
4	Quảng Ninh	28,71%	4
5	Đồng Nai	29,86%	5
6	Hậu Giang	30,00%	6
7	Cà Mau	32,38%	7
8	Bạc Liêu	33,11%	8
9	Vĩnh Phúc	33,97%	9
10	Bình Thuận	35,84%	10
11	Hải Phòng	35,88%	11
12	TT Huế	36,50%	12
13	Kiên Giang	37,18%	13
14	Tây Ninh	37,42%	14
15	Bình Dương	38,77%	15
16	Bến Tre	38,87%	16
17	Phú Yên	39,42%	17
18	Bắc Giang	40,85%	18
19	Tiền Giang	41,14%	19
20	Hà Tĩnh	41,42%	20
21	Hồ Chí Minh	43,70%	21
22	Lâm Đồng	43,80%	22
23	Đắk Lắk	44,59%	23
24	Bắc Ninh	45,60%	24
25	Gia Lai	47,43%	25
26	Quảng Ngãi	47,69%	26
27	An Giang	49,43%	27
28	Cần Thơ	50,82%	28
29	Kon Tum	52,30%	29
30	Hải Dương	53,12%	30

STT	Tên đơn vị	Thi hành xong / có điều kiện	Xếp hạng
31	Quảng Ninh	49,46%	31
32	Ninh Bình	48,17%	32
33	Bình Định	47,06%	33
34	Bình Dương	45,29%	34
35	Bến Tre	45,20%	35
36	BR-V Tàu	44,99%	36
37	Kiên Giang	44,83%	37
38	Hà Nội	44,09%	38
39	Bạc Liêu	43,94%	39
40	Ninh Thuận	43,76%	40
41	Phú Yên	43,45%	41
42	Gia Lai	42,03%	42
43	TT Huế	41,95%	43
44	Hải Phòng	41,83%	44
45	Cà Mau	41,77%	45
46	Khánh Hòa	41,63%	46
47	Đồng Nai	41,22%	47
48	Quảng Ngãi	41,21%	48
49	Sóc Trăng	40,79%	49
50	Đà Nẵng	40,06%	50
51	Bình Phước	39,69%	51
52	Lâm Đồng	39,67%	52
53	Bình Thuận	39,63%	53
54	Hồ Chí Minh	38,87%	54
55	Đắk Nông	38,69%	55
56	Trà Vinh	38,04%	56
57	Hậu Giang	37,83%	57
58	Cần Thơ	37,18%	58
59	An Giang	36,30%	59
60	Tiền Giang	34,39%	60
61	Vĩnh Long	33,47%	61
62	Tây Ninh	30,42%	62
63	Long An	30,10%	63

STT	Tên đơn vị	Có điều kiện / tổng số phải thi hành	Xếp hạng
31	Kiên Giang	75,17%	31
32	Quảng Ninh	74,98%	32
33	Vĩnh Long	74,87%	33
34	Long An	74,21%	34
35	Lâm Đồng	73,55%	35
36	Bắc Ninh	73,52%	36
37	Hồ Chí Minh	73,24%	37
38	Khánh Hòa	73,22%	38
39	Đắk Nông	72,50%	39
40	Phú Yên	71,71%	40
41	Đồng Nai	71,70%	41
42	Thanh Hóa	71,64%	42
43	Yên Bái	71,54%	43
44	Cao Bằng	71,47%	44
45	Cà Mau	71,31%	45
46	Lạng Sơn	71,25%	46
47	Gia Lai	71,10%	47
48	Tây Ninh	71,05%	48
49	Bình Phước	70,82%	49
50	Hà Nội	70,25%	50
51	Hung Yên	69,61%	51
52	Lào Cai	69,52%	52
53	Tiền Giang	69,32%	53
54	Đà Nẵng	68,52%	54
55	Tuyên Quang	67,30%	55
56	Bình Định	67,09%	56
57	Nam Định	64,78%	57
58	Bắc Kạn	62,35%	58
59	Thái Bình	61,27%	59
60	Bắc Giang	60,83%	60
61	Thái Nguyên	60,30%	61
62	Hải Phòng	55,41%	62
63	Hà Nam	53,98%	63

STT	Tên đơn vị	Tỷ lệ giảm việc có điều kiện	Xếp hạng
31	Hà Nội	55,32%	31
32	Sơn La	56,34%	32
33	BR-V Tàu	58,44%	33
34	Bình Phước	59,90%	34
35	Khánh Hòa	61,70%	35
36	Vĩnh Long	63,45%	36
37	Ninh Thuận	63,60%	37
38	Đắk Nông	63,93%	38
39	Thái Bình	64,74%	39
40	Hung Yên	65,77%	40
41	Long An	65,89%	41
42	Trà Vinh	67,86%	42
43	Thanh Hóa	67,90%	43
44	Đà Nẵng	70,15%	44
45	Đồng Tháp	72,51%	45
46	Lào Cai	75,08%	46
47	Nam Định	79,89%	47
48	Quảng Nam	83,91%	48
49	Cao Bằng	90,29%	49
50	Lạng Sơn	91,90%	50
51	Quảng Bình	97,38%	51
52	Tuyên Quang	97,38%	52
53	Bình Định	102,45%	53
54	Nghệ An	109,07%	54
55	Hà Nam	124,36%	55
56	Thái Nguyên	126,93%	56
57	Quảng Trị	148,93%	57
58	Lai Châu	155,74%	58
59	Yên Bái	194,98%	59
60	Bắc Kạn	222,03%	60
61	Hòa Bình	228,30%	61
62	Hà Giang	253,06%	62
63	Điện Biên	278,75%	63

T. C. M.

**PHỤ LỤC II**  
**THÔNG KÊ KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ VỀ TIỀN 5 THÁNG NĂM 2017**

*(Kèm theo Công văn số 931 /TCTHADS-TKDLCT ngày 21 /3/2017 của Tổng cục Thi hành án dân sự)*

STT	Tên đơn vị	Thi hành xong / có điều kiện	Xếp hạng
	<b>Tổng cộng</b>	<b>15,80%</b>	
1	Nam Định	47,39%	1
2	Điện Biên	42,58%	2
3	Lào Cai	30,44%	3
4	Lạng Sơn	25,66%	4
5	Hồ Chí Minh	24,10%	5
6	Sơn La	23,84%	6
7	Quảng Ninh	21,17%	7
8	Bắc Kạn	20,58%	8
9	Lai Châu	19,09%	9
10	Lâm Đồng	18,95%	10
11	Cao Bằng	18,89%	11
12	Ninh Thuận	17,84%	12
13	Hà Giang	17,28%	13
14	Đắk Lắk	16,29%	14
15	Bình Dương	15,68%	15
16	Kiên Giang	15,56%	16
17	Vĩnh Phúc	15,48%	17
18	Đồng Tháp	15,24%	18
19	Cà Mau	14,79%	19
20	Quảng Bình	14,28%	20
21	Đồng Nai	14,22%	21
22	Cần Thơ	13,95%	22
23	Phú Yên	13,61%	23
24	Bến Tre	13,03%	24
25	Hải Dương	12,64%	25
26	Hà Nam	12,42%	26
27	BR-V Tàu	12,12%	27
28	Hung Yên	11,90%	28
29	Tiền Giang	11,89%	29
30	Hà Tĩnh	11,64%	30

STT	Tên đơn vị	Có điều kiện / tổng số phải thi hành	Xếp hạng
	<b>Tổng cộng</b>	<b>68,15%</b>	
1	Sóc Trăng	94,42%	1
2	Ninh Bình	93,16%	2
3	Hải Dương	87,80%	3
4	Bắc Ninh	87,66%	4
5	Điện Biên	87,63%	5
6	Thanh Hóa	86,87%	6
7	Hà Nam	86,45%	7
8	Bình Dương	85,93%	8
9	Đà Nẵng	85,44%	9
10	Quảng Ngãi	84,30%	10
11	Đắk Lắk	83,42%	11
12	Nghệ An	82,62%	12
13	Bắc Kạn	82,55%	13
14	Hòa Bình	81,02%	14
15	Kiên Giang	80,67%	15
16	Cần Thơ	80,42%	16
17	Bạc Liêu	80,37%	17
18	Vĩnh Phúc	80,20%	18
19	Hung Yên	79,80%	19
20	Bến Tre	78,48%	20
21	Hà Nội	78,48%	21
22	Lào Cai	77,21%	22
23	Bắc Giang	76,94%	23
24	Thái Bình	75,90%	24
25	Trà Vinh	75,58%	25
26	BR-V Tàu	75,45%	26
27	Phú Yên	75,44%	27
28	Gia Lai	75,17%	28
29	Bình Phước	74,71%	29
30	Đắk Nông	74,55%	30

STT	Tên đơn vị	Tỷ lệ giảm tiền có điều kiện	Xếp hạng
	<b>Tổng cộng</b>	<b>32,46%</b>	
1	Hà Tĩnh	-23,29%	1
2	Bắc Giang	-5,22%	2
3	Hà Nam	0,69%	3
4	Nam Định	1,25%	4
5	Sơn La	4,96%	5
6	Bình Dương	7,33%	6
7	Thái Bình	7,76%	7
8	TT Huế	10,47%	8
9	Hải Phòng	13,37%	9
10	Tuyên Quang	13,37%	10
11	Sóc Trăng	14,18%	11
12	Quảng Bình	15,98%	12
13	Cần Thơ	19,58%	13
14	Vĩnh Phúc	23,15%	14
15	Tiền Giang	24,02%	15
16	Đồng Nai	24,04%	16
17	Hồ Chí Minh	24,22%	17
18	Lào Cai	25,01%	18
19	Cao Bằng	26,28%	19
20	Đà Nẵng	27,01%	20
21	Cà Mau	27,43%	21
22	Tây Ninh	28,29%	22
23	Long An	28,83%	23
24	Kiên Giang	30,23%	24
25	An Giang	30,55%	25
26	Bình Thuận	32,71%	26
27	Lâm Đồng	34,20%	27
28	Bến Tre	34,21%	28
29	Lai Châu	34,60%	29
30	Quảng Ninh	35,21%	30

STT	Tên đơn vị	Thi hành xong / có điều kiện	Xếp hạng
31	Quảng Trị	11,44%	31
32	Đà Nẵng	11,39%	32
33	Hải Phòng	11,34%	33
34	An Giang	11,26%	34
35	Trà Vinh	11,07%	35
36	Sóc Trăng	10,72%	36
37	Tuyên Quang	10,64%	37
38	Gia Lai	10,60%	38
39	Bình Định	10,39%	39
40	Long An	10,35%	40
41	Yên Bái	10,30%	41
42	Bạc Liêu	10,28%	42
43	Nghệ An	9,51%	43
44	Tây Ninh	9,33%	44
45	Bình Phước	9,28%	45
46	Phú Thọ	8,69%	46
47	TT Huế	8,65%	47
48	Vĩnh Long	8,23%	48
49	Thái Nguyên	7,89%	49
50	Quảng Nam	7,80%	50
51	Hậu Giang	7,62%	51
52	Khánh Hòa	7,54%	52
53	Bình Thuận	7,51%	53
54	Bắc Giang	7,18%	54
55	Kon Tum	7,07%	55
56	Thanh Hóa	6,97%	56
57	Hà Nội	6,85%	57
58	Bắc Ninh	5,86%	58
59	Quảng Ngãi	5,79%	59
60	Ninh Bình	5,67%	60
61	Đắk Nông	5,54%	61
62	Hòa Bình	4,93%	62
63	Thái Bình	3,39%	63

STT	Tên đơn vị	Có điều kiện / tổng số phải thi hành	Xếp hạng
31	Khánh Hòa	73,48%	31
32	Đồng Nai	71,23%	32
33	An Giang	70,94%	33
34	Tây Ninh	69,41%	34
35	Long An	69,12%	35
36	Sơn La	68,65%	36
37	Tiền Giang	68,38%	37
38	Bình Thuận	68,34%	38
39	Phú Thọ	67,10%	39
40	Tuyên Quang	66,70%	40
41	Ninh Thuận	65,91%	41
42	Quảng Nam	65,50%	42
43	Đồng Tháp	64,74%	43
44	Quảng Ninh	63,57%	44
45	Hải Phòng	62,97%	45
46	Lai Châu	62,76%	46
47	Cà Mau	61,82%	47
48	Hồ Chí Minh	61,59%	48
49	Vĩnh Long	60,25%	49
50	Hậu Giang	59,88%	50
51	Hà Tĩnh	59,12%	51
52	Yên Bái	58,73%	52
53	Bình Định	56,03%	53
54	Cao Bằng	52,74%	54
55	TT Huế	51,95%	55
56	Quảng Trị	51,36%	56
57	Kon Tum	47,51%	57
58	Lạng Sơn	46,97%	58
59	Nam Định	43,45%	59
60	Quảng Bình	42,99%	60
61	Lâm Đồng	38,94%	61
62	Thái Nguyên	37,11%	62
63	Hà Giang	31,01%	63

STT	Tên đơn vị	Tỷ lệ giảm tiền có điều kiện	Xếp hạng
31	Hà Nội	36,77%	31
32	Bình Phước	37,81%	32
33	Hậu Giang	38,90%	33
34	Hưng Yên	46,41%	34
35	Quảng Ngãi	53,52%	35
36	Trà Vinh	55,25%	36
37	Bắc Ninh	56,51%	37
38	Đắk Lắk	59,01%	38
39	Đồng Tháp	59,28%	39
40	Ninh Thuận	59,41%	40
41	Phú Thọ	60,49%	41
42	Gia Lai	63,73%	42
43	Bình Định	65,20%	43
44	BR-V Tàu	66,75%	44
45	Thái Nguyên	66,83%	45
46	Phú Yên	66,89%	46
47	Quảng Trị	69,02%	47
48	Ninh Bình	74,60%	48
49	Thanh Hóa	77,99%	49
50	Hải Dương	84,68%	50
51	Hà Giang	95,95%	51
52	Nghệ An	99,45%	52
53	Kon Tum	116,58%	53
54	Hòa Bình	118,10%	54
55	Khánh Hòa	119,82%	55
56	Bạc Liêu	120,84%	56
57	Vĩnh Long	124,15%	57
58	Yên Bái	141,13%	58
59	Lạng Sơn	152,16%	59
60	Đắk Nông	186,68%	60
61	Bắc Kạn	206,18%	61
62	Quảng Nam	231,05%	62
63	Điện Biên	571,95%	63